

Câu 1 (4,0 điểm):

a. Yêu cầu chung:

- Về kĩ năng: Biết viết bài văn nghị luận xã hội theo chủ đề cho trước; thao tác lập luận và bố cục đoạn văn chặt chẽ, hợp lí; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, quy cách.
- Về nội dung: Nêu được cách hiểu của thí sinh về “bi kịch” của người trẻ ngày nay, từ đó thí sinh trình bày được quan điểm và lựa chọn đối mặt của cá nhân mình.

b. Yêu cầu cụ thể:

- Giải thích rõ khái niệm “bi kịch”: Bi kịch diễn ra khi có mâu thuẫn giữa hai mặt đối lập của một chủ thể, mà trong đó mâu thuẫn sẽ không thể được giải quyết nếu không có tranh đấu và hi sinh. Đó có thể là mâu thuẫn giữa tình cảm và lí trí, giữa suy nghĩ bên trong và hành động bên ngoài, giữa lí tưởng và thực tại... mà ở đó đòi hỏi sự đấu tranh, hi sinh của con người.
- Mỗi một thế hệ ra đời gắn liền với một đặc trưng xã hội nhất định (về kinh tế, chính trị, văn hóa, ý thức hệ...), từ đó làm cho họ có những vấn đề quan tâm riêng, những mối lo riêng, những mâu thuẫn riêng, từ đó dẫn đến những “bi kịch” riêng. Vậy, bi kịch của người trẻ chính là những mâu thuẫn mà người trẻ đang phải đấu tranh, những khủng hoảng mang tính thế hệ mà người trẻ đang phải đối mặt trong xã hội hiện đại ngày nay.
- Trên cơ sở đó, dưới tư cách một người trẻ, thí sinh đưa ra lựa chọn của mình để trả lời cho câu hỏi “Đâu là bi kịch của người trẻ hiện nay?”.
- Hướng giải quyết gợi ý: Người trẻ bỏ quên hạnh phúc của chính mình để chạy theo những thành tựu của người khác.
 - + Trước hết, người trẻ bỏ quên chính mình để chạy theo thành tựu vì họ sống trong một thế giới đang ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn. Sự phổ biến của Internet, sự toàn cầu hóa, sự xuất hiện của mạng xã hội... làm nên một thế giới ngày càng phẳng hơn, nghĩa là nơi mà cơ hội ngày càng mở rộng và dành cho tất cả mọi người. Khi cơ hội trở nên dễ dàng để tiếp cận, sự

cạnh tranh sẽ tăng lên gấp bội: phải liên tục “chiến đấu” nếu không muốn bị thua thiệt, phải liên tục tiến lên nếu không muốn trở thành người bị bỏ lại. Trong điều kiện cạnh tranh như vậy, áp lực phải chạy theo thành tựu trở thành một vấn đề có thực, người trẻ cảm thấy bản thân bắt buộc phải chạy theo thành tựu như một cách thoát khỏi sự đào thải của xã hội.

- + Tiếp đến, người trẻ luôn cảm thấy cần phải có thành tựu để khẳng định thành công và vị thế của mình với xã hội. Trong một xã hội coi trọng thành tựu, thành tựu nghiêm nhiên trở thành bộ mặt của một cá nhân, ai ai cũng muốn trưng ra một cuộc sống thành đạt, giàu có như cách để khẳng định với xã hội rằng “Tôi hạnh phúc”. Đi cùng với một thế giới đang ngày càng phẳng ra là những khoảng cách cũng đang ngày càng mở rộng. Chênh lệch trong mức sống và thu nhập giữa các gia đình, trong trình độ và cơ hội học vấn giữa các bạn đồng trang lứa, trong địa vị xã hội giữa các ngành nghề với nhau ngày một sâu sắc thêm, điều đó vô hình trung biến thành tựu trở thành thước đo cho sự thành công của một cá nhân, và nghiêm trọng hơn, nó trở thành thước đo cho sự bình đẳng.
- + Vậy nên đến cuối cùng, nhiều người trẻ quên mất rằng “thành tựu” không bằng nghĩa với “hạnh phúc”. Có thể hạnh phúc bao hàm ý niệm về sự sở hữu thành tựu, nhưng thành tựu thì không phải bao giờ cũng dẫn về hạnh phúc. Sự cạnh tranh và áp lực theo đuổi thành tựu làm cho người trẻ tin rằng bản thân mình chỉ được định nghĩa bằng những điểm số, giải thưởng, bằng những ngôi trường top cao, bằng điểm SAT hay IELTS cao ngất ngưỡng chứ không phải bằng những cảm xúc hay trải nghiệm sống của bản thân, không có thành tựu, tồn tại của họ không có ý nghĩa. Từ đó, họ đánh mất đi ý nghĩa của “hạnh phúc”, đánh mất đi chính bản thân mình khi cứ mãi dựa vào những thành tựu ngoại tại để cảm thấy hài lòng về bản thân, để rồi cứ trôi mình trong những niềm tin sai lệch, bế tắc trong những áp lực không có đường ra.
- Thí sinh bàn bạc về vấn đề và trình bày quan điểm/lựa chọn đối mặt của bản thân:
 - + Hiểu được gốc rễ của bi kịch này nằm ở chỗ: xã hội coi trọng thành tựu của một người hơn các trải nghiệm tinh thần của anh ta, là sự thiên lệch hướng về phía các giá trị hướng ngoại mà quên đi các giá trị hướng nội.

- + Muốn cân bằng sự thiên lệch đó, người trẻ cần hiểu rõ rằng hạnh phúc nằm bên trong chính mình: Là có thể tự do sống theo thiên hướng của bản thân mà không cần phải lấy ai làm chuẩn mực cho tồn tại của mình. Hạnh phúc chính là biết tri nhận giá trị riêng của bản thân và thành tựu lớn nhất của đời người chính là được sống hạnh phúc.
- + Lựa chọn đối mặt của bản thân: Thí sinh dựa vào trải nghiệm cá nhân và thực tế khách quan để đưa ra lựa chọn của mình, dù lựa chọn đối mặt với bi kịch này đòi hỏi rất nhiều thời gian, chiêm nghiệm, song nó giúp tạo nên một thế giới cân bằng hơn, bao dung hơn và con người trong đó có thể sống hài lòng và hạnh phúc hơn với chính bản thân mình.

Câu 2 (6,0 điểm):

a. Yêu cầu chung:

- Về kĩ năng: Biết viết bài văn nghị luận văn học theo chủ đề cho trước; thể hiện khả năng phân tích, cảm thụ văn bản và lí giải vấn đề văn học nhất định; bài làm không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp.
- Về nội dung: Thí sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng từ nội dung đề bài, thí sinh cần thể hiện được hiểu biết của mình về văn học chiến tranh dân tộc, thông qua đó trình bày được vẻ đẹp, phẩm chất con người Việt Nam bằng cách phân tích các tác phẩm (trong và ngoài SGK) mình lựa chọn. Qua việc phân tích tác phẩm, thí sinh cần chứng minh được người Việt Nam có truyền thống yêu chuộng hòa bình, căm ghét chiến tranh, có truyền thống yêu nước, sẵn sàng đứng lên chống giặc ngoại xâm, lại luôn mang trong mình tinh thần nhân đạo, sẵn sàng tương thân tương ái.
- Nhìn chung, đề bài đặt ra hai yêu cầu chính như sau:
 - + Thí sinh trình bày được hiểu biết của mình về văn học chiến tranh dân tộc, biết áp dụng kiến thức lịch sử và lí luận văn học để chứng minh sự hiện diện thường xuyên của đề tài chiến tranh trong văn học Việt Nam, từ đó làm nổi bật lên hình ảnh con người Việt Nam giữa thời chiến.
 - + Thí sinh bộc lộ khả năng phân tích/cảm thụ văn bản theo chủ đề cho trước, phân tích được mối liên hệ giữa chiến tranh và con người mà tác phẩm văn học khơi gợi nên.

b. Yêu cầu cụ thể: Thí sinh có thể triển khai bài làm theo các ý sau để đảm bảo hai ý chính nêu trên.

❖ **Giải thích ý nghĩa của đề tài chiến tranh trong văn học dân tộc. (1,0 điểm)**

- Về phương diện đề tài, chiến tranh từ xa xưa đã là một đề tài lớn của nhân loại. Chiến tranh sinh ra cùng lúc với bước chân đẫm máu của con người trên con đường tìm kiếm một trật tự mới của nền văn minh. Trong lịch sử, Việt Nam là quốc gia đã gánh chịu rất nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc tàn khốc, từ đó hình thành nên một lối ứng xử đặc biệt trường thành trong hoàn cảnh chiến tranh.
- Về phương diện loại hình, văn học một mặt mang tính chất hướng nội, tức là phương tiện con người kí thác, gửi gắm tâm tư tình cảm của mình, giúp con người bày tỏ quan điểm, phản hồi của mình trước hiện thực bên ngoài. Mặt khác, văn học lại thể hiện tính hướng ngoại, khi hiện thực bên ngoài cũng được văn học phản ánh trong chính thể của nó, cho con người những thông tin khả tín về thực tế khách quan.

→ Dựa vào những đặc trưng đó, đề tài chiến tranh trở thành đề tài cực kì quan trọng trong tiến trình văn học Việt Nam, trong những giai đoạn lịch sử cụ thể, văn học chiến tranh thậm chí đã trở thành bộ phận chủ yếu, làm nên diện mạo của cả một thời kì văn học. Thông qua văn học chiến tranh, có thể tìm thấy được chân dung của một dân tộc trong giai đoạn lịch sử ác liệt.

❖ **Phân tích và chứng minh. (4,0 điểm, phần Phân tích chiếm 1,5 điểm, phần Chứng minh chiếm 2,5 điểm)**

- Thứ nhất, người Việt Nam căm ghét chiến tranh, và vì căm ghét chiến tranh nên mới thấy yêu chuộng hòa bình. Suốt ngàn năm lịch sử, chính chiến tranh đã mang lại vô vàn đau thương, mất mát cho dân tộc, đẩy bao nhiêu người dân vào cảnh li loạn, vào cảnh buộc phải đứng lên chiến đấu. Có thể chứng minh bằng nhân vật người chinh phụ trong “Chinh phụ ngâm khúc”, bi kịch của Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, câu chuyện li tán của cha con ông Sáu trong “Chiếc lược ngà”.
- Tiếp đến, người Việt Nam có một lòng nồng nàn yêu nước và sẵn sàng lên đường bảo vệ tổ quốc. Mỗi khi có chiến tranh xảy ra, những con người ấy không ngại khoác lên mình áo lính, chiến đấu để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ lí tưởng, bất kể tầng lớp, giai cấp, phái tính. Có thể chứng minh bằng truyền thuyết Thánh Gióng vốn đã trở thành biểu tượng cho sức mạnh nhân dân và lòng yêu nước vô tư, bài thơ “Nam quốc sơn hà” đầy bi tráng của Lý Thường Kiệt, đến hình tượng người lính

trong “Đồng chí”, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, hình tượng người nữ thanh niên xung phong trong “Những ngôi sao xa xôi”.

- Cuối cùng, dù là trong thời chiến, con người Việt Nam vẫn thấm đẫm tinh thần nhân đạo, lòng yêu thương sự sống, yêu thương con người. Truyền thống cảm thương trong chiến tranh đã trở thành dấu ấn nhân văn thiêng liêng mà sâu sắc trong văn học Việt Nam. Có thể chứng minh bằng tinh thần nhân đạo trong “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, tình bà cháu đáng quý trong “Bếp lửa” của Bằng Việt.

❖ **Mở rộng, liên hệ.** (1,0 điểm)

- Vai trò của văn học trong việc khích lệ tinh thần con người Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh: Những câu ca dao u uẩn đau thương nhưng vẫn hào hùng bi tráng “Con ơi con ngủ cho ngoan/Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi/Muốn coi lên núi mà coi/Coi bà Triệu Âu cưới voi đánh rồng”, “Hịch tướng sĩ” tràn đầy nhiệt khí của Trần Hưng Đạo, giai đoạn văn học 1945 - 1975.
- Cái nhìn sử thi hóa/lí tưởng hóa khi tiếp cận văn học chiến tranh: Có nên tiếp tục duy trì hay không? Có thể chứng minh nâng cao bằng “Nỗi buồn chiến tranh”, “Ba người trên sân ga”, “Người sót lại của rừng cù” ...
- Đến cuối cùng, cái đích của mọi nền văn học, kể cả văn học chiến tranh vẫn là tình yêu và hi vọng của con người đối với một cuộc sống tốt đẹp. Từ đó, người đọc có thể có được cho mình cái nhìn đúng đắn và nhân bản hơn khi nói đến chiến tranh.
- Vậy từ văn học chiến tranh, ta có thể kế thừa được gì khi đương đầu với những “cuộc chiến” ngày nay?